

Bản án số: 18 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024.

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:75/ QĐST- HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1979.Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1987. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: T, thị trấn L, huyện T , tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2023, bản tự khai ngày 08/11/2023, bản tự khai ngày 29/3/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T có tìm hiểu yêu đương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2003 tại Ủy ban nhân dân N, huyện T, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ quan điểm sống không hợp nhau, cả hai bên đều không có tiếng nói chung. Anh T

không làm tròn trách nhiệm của người chồng, thường xuyên ăn nhậu không quan tâm vợ và chăm lo gia đình. Chị cho anh T nhiều cơ hội sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ năm 2019 chị cùng các con chuyển về phía cha mẹ đẻ ở cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm lẫn nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Lê Khánh G, sinh ngày 06/6/2004 và Phan Nhật Ng, sinh ngày 18/5/2011, hiện nay cháu Phan Nhật Ng đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con Phan Nhật Ng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Phan Lê Khánh G đã trên 18 tuổi, tự lo cho bản thân nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không có ai nợ.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2024, đơn phản tố ngày 16/01/2024 bị đơn anh Phan Văn Tuyến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô Lê Thị Th tự nguyện tìm hiểu, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2003 tại Ủy ban nhân dân N, huyện T, tỉnh Q. Anh chị sống rất hạnh phúc. Đến năm 2019 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm lẫn nhau cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, hôn nhân không tồn tại, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Lê Khánh G, sinh ngày 06/6/2004 và Phan Nhật Ng, sinh ngày 18/5/2011, hiện nay cháu Phan Nhật Ng đang ở với cô Th. Khi ly hôn anh đồng ý giao cho cô Th trực tiếp nuôi con Phan Nhật Ng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh bị bệnh hiểm nghèo. Đối với con Phan Lê Khánh G đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 thửa đất số 40, tờ bản đồ số 13, diện tích 164 m², giá trị 1.200.000.000 đồng, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất, giá trị 70.000.000 đồng. Tổng cộng 1.270.000.000 đồng, tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Q. Anh yêu cầu chia ½ giá trị tài sản, cô Th thối lại cho anh giá trị bằng tiền.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn đều thực hiện đúng các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn

vắng mặt phiên tòa xét xử lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử:

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th được ly hôn anh Phan Văn T. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh T về yêu cầu chia tài sản chung. Anh T, chị Th có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác. Chị Lê Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt của bị đơn: Vắng mặt phiên xét xử lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Lê Thị Th có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2003, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh Tuy, chị Th thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh, chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh, chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh T, chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Th xin được ly hôn, anh T đồng ý đồng ý.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm trở nên trầm trọng. Anh, chị sống ly thân không quan tâm lẫn nhau từ năm 2019 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Th được ly hôn anh Phan Văn T.

[3] Về con chung: Anh Phan Văn T và chị Lê Thị Th có 02 con chung tên là Phan Lê Khánh G, sinh ngày 06/6/2004 và Phan Nhật Ng, sinh ngày 18/5/2011, hiện nay cháu Phan Nhật Ng đang ở với cô Th. Xét nguyện vọng của cháu Phan Nhật Ng mong muốn được ở với mẹ và cũng là nguyện vọng của chị Th. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Phan Nhật Ng cho chị Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Nhật Ng. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên được chấp nhận. Đối với con Phan Lê Khánh G đã trên 18 tuổi tự lo cho bản thân được. Anh T, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ngày 16/01/2024 anh Phan Văn T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với 01 thửa đất số: 40, tờ bản đồ số 13, diện tích 164 m², tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Q, giá trị 1.200.000.000 đồng, 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất, giá trị 70.000.000 đồng. Tổng cộng 1.270.000000 đồng. Anh T yêu cầu chia ½ giá trị tài sản, chị Th thôi lại cho anh giá trị bằng tiền. Ngày 17/01/2024 Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố. Đến ngày 08/02/2024 Tòa án ra Thông báo số: 103/TB-TA về việc nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ, giao trực tiếp cho anh T nhận và anh Phan Thanh T không thực hiện nộp tiền tạm ứng để Tòa tiến hành tiến hành xem xét tại chỗ. Đến ngày 22/3/2024 Tòa án Triệu tập anh T để làm việc về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thuê Công ty đo đạc, nhưng anh T vẫn không đến Tòa và không có ý kiến gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn. Về chia tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 40, tờ bản đồ số 13, diện tích 164 m², 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất, tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Q.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết: Anh Tuyển, chị Thanh có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm đ khoản 1, Điều 217, Điều 218 Điều 227, Điều

271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Th được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nhật Ng, sinh ngày 18/5/2011 cho chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phân tố của bị đơn. Về chia tài sản chung: 01 thửa đất số: 40, tờ bản đồ số 13, diện tích 164 m², 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất, tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Q.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết: Anh Phan Văn T và chị Lê Thị Th có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001862 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Sơn

Đinh Thị Thu Hằng

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Sơn

Nguyễn Tấn Bốn

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Các Hội thân nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

Các Hội thảo nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌẠ PHIÊN TỌẠ